

Số: 4324/BC-ĐHBK

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Về việc sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng tại Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng

Kính gửi: Giám đốc Đại học Đà Nẵng.

Thực hiện Công văn số 6529/BGDĐT-TTr ngày 15/10/2024 của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN), Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng (Trường ĐHBK/Nhà trường) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung về Trường

- Trường ĐHBK được thành lập vào năm 1975 ngay sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tháng 04/1994, Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) được thành lập theo quyết định của Bộ GD&ĐT. Trường ĐHBK có tên mới là Trường Đại học Kỹ thuật. Đến năm 2004, theo Quyết định số 1178/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 09/3/2004 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Kỹ thuật được đổi tên thành Trường ĐHBK thuộc ĐHĐN.

- Địa điểm trụ sở chính: 54 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

- Điện thoại: 0236.3842308; website: www.dut.udn.vn

- Nhân sự: Tính đến 30 tháng 6 năm 2024, tổng số cán bộ viên chức là 545 người. Trong đó, có 405 cán bộ giảng dạy bao gồm: 03 giáo sư; 54 phó giáo sư; 205 tiến sĩ; 131 thạc sĩ. Ngoài ra, có 140 cán bộ khối hành chính. Tỷ lệ giảng viên chia theo chức danh nghề nghiệp: 58 giảng viên cao cấp, 134 giảng viên chính, 213 giảng viên và trợ giảng.

- Chức năng, nhiệm vụ:

- + Đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư các chuyên ngành kỹ thuật và công nghệ;
- + Tham gia đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ cao đẳng cho các trường cao đẳng thuộc Đại học Đà Nẵng;
- + Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Tổ chức bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN

- Bộ máy lãnh đạo, quản lý Nhà trường và sự phân công trách nhiệm trong công tác PCTN được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà Trường: <http://dut.udn.vn/Tintuc/Gioithieu/id/143>.

- Tổ chức thanh tra nội bộ tại Trường: Nhà trường có Phòng Thanh tra-Pháp chế, gồm có 03 viên chức (nữ): 01 Phó Trưởng phòng, phụ trách Phòng và 02 chuyên viên với trình độ chuyên môn: 01 Cử nhân Ngoại ngữ, Cử nhân Luật; 01 Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Luật; 01 Cử nhân Luật. Công tác thanh tra nội bộ là một trong ba mảng hoạt động của Phòng và nhân sự của Phòng đảm nhận và chuyên trách.

- Vai trò của các tổ chức, đoàn thể trong Nhà trường đặc biệt là Ban Thanh tra Nhân dân trong việc tham gia, giám sát các hoạt động quản lý nhà nước theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN

1.1 Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai Luật PCTN và văn bản hướng dẫn thi hành Luật

- Nhà trường đã tập trung thực hiện Luật PCTN năm 2018 và quán triệt các văn bản chỉ đạo, quy định của Đảng và Nhà nước về PCTN như sau:

+ Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

+ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc;

+ Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế;

+ Kết luận số 05-KL/TW ngày 06/3/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng;

+ Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTN, TC trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

- Nhà trường cũng đã chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, đã quán triệt nhiệm vụ tới từng đơn vị phụ trách, công khai minh bạch mọi hoạt động của Nhà trường thông qua các văn bản Trường đã ban hành. Thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính; quản lý công tác thu chi ngân sách; quản lý kinh phí, quản lý sử dụng ngân sách nhà nước; các đơn vị hoạch toán mức chi tiêu trong định mức chi tiêu nội bộ. Việc lập, thẩm định phê duyệt mua sắm tài sản theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chỉ mua sắm những tài sản có nhu cầu cần thiết và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

1.2 Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN theo thẩm quyền

- Trong công tác PCTN, Nhà trường đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành và đã thực hiện lồng ghép trong Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm học hằng năm.

- Thực hiện các kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực hằng năm của Bộ GD&ĐT và ĐH&ĐN. Nhà trường đã ban hành Công văn số 482/ĐH&BK-TTPC ngày 21/02/2022, Kế hoạch số 682/KH-ĐH&BK ngày 22/2/2023 và Kế hoạch số 378/KH-ĐH&BK ngày 25/01/2023 về Kế hoạch triển khai công tác PCTN, tiêu cực năm 2022, 2023 và 2024. Các kế hoạch này đã được triển khai đến các đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động (VC-NLĐ) trong Trường để nghiêm túc thực hiện.

1.3 Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN

- Nhà trường đã chỉ đạo, triển khai việc tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về PCTN đến toàn thể VC, NLĐ và người học bằng các hình thức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tiễn của đơn vị; đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

- Nội dung tuyên truyền, phổ biến về thực trạng, nguyên nhân, điều kiện tham nhũng và giải pháp PCTN; ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác PCTN và xây dựng đạo đức liêm chính; tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức liêm chính và PCTN; quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về PCTN; Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành, các kết luận, văn bản chỉ đạo điều hành của thành phố Đà Nẵng liên quan đến công tác PCTN.

- Về hình thức tuyên truyền, phổ biến: căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại của Nhà trường. Trường đã lựa chọn hình thức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt phù hợp (thông qua các cuộc họp giao ban, tổ chức hội nghị, tuyên truyền trên các trang thông tin điện tử của đơn vị, các tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, cuối khoá hoặc thông qua các cuộc thi tìm hiểu pháp luật,...).

1.4 Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong công tác PCTN

2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

2.1 Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định “3 công khai” theo chủ trương của Bộ GD&ĐT. Công khai về công tác cơ sở vật chất, công tác đào tạo, công tác tổ chức cán bộ, công tác tài chính. Tất cả được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và các kênh thông tin của sinh viên. Từ ngày công bố “3 công khai” xem như cam kết của Nhà trường về chất lượng đào tạo cũng như sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho xã hội biết và giám sát, công tác giảng dạy và học tập tại Trường có những chuyển biến tích cực hơn. Công đoàn Trường thường xuyên giám sát, đảm bảo 3 công khai và tuyên truyền, vận động VC-NLĐ thấy rõ được nguồn lực hiện có cũng như kế hoạch chi tiêu cho từng công việc cụ thể, từ đó phối hợp chặt chẽ với Lãnh đạo Nhà trường và đồng nghiệp để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị.

- Nhằm thực hiện chế độ dân chủ và công khai trong các hoạt động, Nhà trường đã ban hành các văn bản cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành
1.	Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Bách khoa- Đại học Đà Nẵng	1177/QĐ-ĐHBK	26/4/2019
2.	Báo cáo kết quả Quy chế công khai năm học 2018-2019 và Kế hoạch triển khai Quy chế công khai năm học 2019-2020	3138/BC-ĐHBK	14/11/2019
3.	Báo cáo thực hiện công khai năm học 2020-2021	682/ĐHBK-KT&ĐBCLGD	15/5/2020
4.	Báo cáo thực hiện quy chế công khai năm học 2021-2022	903/ĐHBK-TCHC	06/4/2021
5.	Báo cáo thực hiện công khai năm học 2021-2022	1316/ĐHBK-TCHC	04/5/2021
6.	Triển khai quy chế công khai năm học 2022-2023	1317/KH-ĐHBK	04/5/2021
7.	Triển khai thu thập dữ liệu công khai năm học 2022-2023	864/ĐHBK-TCHC	25/3/2022
8.	Báo cáo thực hiện công khai năm học 2022-2023	1416/ĐHBK-TCHC	29/4/2022
9.	Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024	1417/KH-ĐHBK	29/4/2022
10.	Triển khai thu thập dữ liệu công khai năm học 2023-2024	1155/ĐHBK-TCHC	23/3/2023
11.	Quyết định ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng	4311/QĐ-ĐHBK	17/10/2024

2.2 Xây dựng, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

- Trường ĐHBK đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 3536/QĐ-ĐHBK ngày 27/12/2021. Từ năm 2022, Trường được phân loại là đơn vị tự chủ chi thường xuyên theo Quyết định số 399/QĐ-BGDĐT ngày 27/01/2022. Vì vậy, phải điều chỉnh, bổ sung, thống nhất các nội dung, định mức trong quản lý và chi tiêu tài chính tại Trường phù hợp với điều kiện thực tế sau thời gian thực hiện tự chủ tài chính, nên đến năm 2023, Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 5000/QĐ-ĐHBK ngày 25/12/2023 và các văn bản điều chỉnh định mức theo tình hình thực tế và quy định mới.

- Quy chế chi tiêu nội bộ đã phát huy được quyền tự chủ, công khai minh bạch về các khoản chi tiêu theo định mức, tiêu chuẩn quy định, góp phần ổn định hoạt động tài chính của đơn vị.

- Nhà trường đã ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo Chương trình tiên tiến tại Trường ĐHBK theo Quyết định số 4024/QĐ-ĐHBK ngày 27/10/2023

và định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo các nhóm ngành tại Trường ĐHBK theo Quyết định số 5107/QĐ-ĐHBK ngày 29/12/2023.

2.3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; quy định về tặng quà, nhận quà tặng và kiểm soát xung đột lợi ích

- VC- NLĐ trong Trường luôn có mối quan hệ tốt, đối xử văn minh lịch sự với nhau và chấp hành nghiêm túc quy định về ứng xử trong cơ quan, đơn vị mình.

- Thực hiện nghiêm về quy định tặng quà, nhận quà theo quy định của pháp luật.

2.4 Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

- Nhà trường đã quán triệt, phổ biến việc tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư số 41/2021/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ban hành quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ GDĐT và Nghị Quyết số 32/NQ-HĐH ngày 5/7/2022 của Hội đồng ĐHĐN về việc ban hành danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức ĐHĐN đến toàn thể VC-NLĐ trong đơn vị.

- Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-HĐT ngày 29/6/2023 của Hội đồng Trường về việc ban hành danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức Trường ĐHBK, Nhà trường đã ban hành Công văn số 3373/ĐHBK-TCHC ngày 05/9/2023 về việc chuyển đổi vị trí công tác viên chức và đã gửi nội dung công văn đến toàn thể CBVC của Nhà trường. Nhà trường đã báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm 2023 và xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2024 theo Báo cáo số 4765/ĐHBK-TCHC ngày 15/12/2023 và đã gửi nội dung báo cáo về ĐHĐN theo quy định.

- Thực hiện tinh thần Công văn số 1029/BGDĐT-TCCB ngày 19/3/2024 của Bộ GDĐT về báo cáo danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, Nhà trường đã báo cáo việc quy định danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác và góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung theo Báo cáo số 1188/ĐHBK-TCHC ngày 19/3/2024 về ĐHĐN.

- Kết quả, hiện nay Nhà trường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc việc chuyển đổi đảm bảo hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị và không ảnh hưởng đến việc tăng biên chế của đơn vị. Nhà trường đã thực hiện phân công nhiệm vụ đối với viên chức đảm nhiệm các công việc trong danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại các Phòng Tổ chức - Hành chính, Cơ sở Vật chất và Kế hoạch - Tài chính.

- Vì vậy, việc chuyển đổi vị trí công tác của CBVC trong Trường sẽ thực hiện theo kế hoạch để đảm bảo công tác PCTN.

2.5. Thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt.

- Cải cách hành chính đã mang lại tính khoa học, độc lập và chịu trách nhiệm của Nhà trường. Trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị chức năng, của từng chức danh, góp phần vào việc phòng

ngừa tham nhũng theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐT ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHBK.

- Công khai, đơn giản hóa thủ tục hành chính; hoạt động quản lý được tin học hóa bằng các phần mềm tạo thuận lợi cho công tác lưu trữ, kiểm tra, báo cáo định kỳ và đột xuất.

- Ứng dụng phần mềm quản trị Base để quản lý, đánh giá hiệu quả công việc của các đơn vị trong Trường.

- Trường đã thực hiện việc trả lương qua tài khoản ngân hàng cho CBVC và NLĐ từ ngân sách từ năm 2008.

- Để đảm bảo quản lý chặt chẽ hơn nữa trong công tác PCTN tại Trường ĐHBK, Nhà trường đã ban hành Thông báo số 4173/TB-ĐHBK ngày 06/11/2023 Thông báo về việc không sử dụng giao dịch tiền mặt tại Trường ĐHBK.

2.6. Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

- Đảng ủy Trường ĐHBK đã chỉ đạo chính quyền tổ chức quán triệt Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, đồng thời phân công cho Phòng Tổ chức – Hành chính phụ trách tổ chức theo dõi, đôn đốc thực hiện nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Bản kê khai của mỗi cá nhân thuộc đối tượng trong diện kê khai được lưu tại Ban Tổ chức - Cán bộ, ĐHĐN và hồ sơ cán bộ tại Trường ĐHBK theo đúng phân cấp quản lý. Việc kê khai tài sản, thu nhập cá nhân cũng là tiêu chí trong xét thi đua khen thưởng cuối năm học nên tất cả CBVC diện kê khai đều tuân thủ thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định.

- Các văn bản triển khai và thực hiện công tác kê khai tài sản minh bạch của Trường từ năm 2019 đến nay cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành
1.	Kế hoạch thực hiện việc thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2019	3175/KH-ĐHBK	20/11/2019
2.	Báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2019	3505/BC-ĐHBK	23/12/2019
3.	Kế hoạch thực hiện việc thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2010	3011/KH-ĐHBK	23/12/2020
4.	Báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2020	109/BC-ĐHBK	11/01/2021
5.	Kế hoạch kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2021	3363/KH-ĐHBK	26/12/2021
6.	Báo cáo về kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2021.	33/BC-ĐHBK	06/01/2022
7.	Kế hoạch kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2022	5005/KH-ĐHBK	20/12/2022

TT	Nội dung	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành
8.	Báo cáo về kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2022	63/BC-ĐHBK	06/01/2023
9.	Kế hoạch kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023	4840/KH-ĐHBK	20/12/2023
10.	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2023.	100/BC-ĐHBK	09/01/2024

3. Việc phát hiện và xử lý tham nhũng

(Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo)

3.1. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

- Ngay những ngày đầu năm 2023, Lãnh đạo Nhà trường đã có những hoạt động chấn chỉnh công tác quản lý tài chính (Thông báo số 10/TB-ĐHBK ngày 03/01/2023), thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính và nắm bắt thông tin dư luận từ CBVC và sinh viên.

- Ngày 03/02/2023, khi phát hiện việc chi trả học bổng cho sinh viên không như kế hoạch đề ra, Lãnh đạo Nhà trường đã yêu cầu các cá nhân thực hiện giải trình.

- Trong ngày 03/02/2023, Trường đã thành lập Tổ kiểm tra và tiến hành kiểm tra, phát hiện có dấu hiệu sai phạm trong quản lý tài chính tại Phòng Kế hoạch – Tài chính. Xét thấy đây là sự việc hết sức nghiêm trọng và phức tạp, nên ngay trong sáng ngày 04/02/2023, Lãnh đạo Nhà trường là làm văn bản trình báo vụ việc (Công văn số 425/ĐHBK-TCHC, ngày 04/02/2023 về việc cung cấp thông tin nghi vấn vi phạm pháp luật gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng). Lãnh đạo Nhà trường đã liên hệ với Cơ quan Cảnh sát điều tra CA Thành phố Đà Nẵng và trực tiếp đến Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an thành phố Đà Nẵng để trao đổi thông tin và đề nghị phối hợp làm rõ vụ việc để đấu tranh, ngăn chặn việc làm sai phạm đó, đảm bảo cho hoạt động bình thường của Nhà trường. Nhà trường cũng chủ động phối hợp tốt với Cơ quan Cảnh sát điều tra để góp phần phát hiện và thu hồi tài sản của Nhà trường.

- Ngoài ra, Lãnh đạo Nhà trường đã báo cáo trực tiếp lên cơ quan cấp trên là ĐHĐN.

- Ngày 10/2/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng (CSĐT CATP) đã gửi Công văn số 235/CSĐT-KT và Công văn số 237/CSĐT-KT về việc tạm đình chỉ chức vụ bị can đang đảm nhiệm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đang thụ lý, điều tra vụ án “tham ô tài sản” xảy ra tại Trường ĐHBK. Qua quá trình điều tra, cơ quan CSĐT CATP đã ra quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Hoàng Quang Huy – Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Lâm Thị Hồng Tâm - thủ quỹ thuộc Phòng KHTC của Nhà trường.

Vào ngày 23/7/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tổ chức phiên toà xét xử đối với các bị can liên quan đến sự việc “tham ô tài sản” xảy ra tại Nhà trường. Kết quả phiên toà xét xử sơ thẩm đã tuyên án đối với bị can Đoàn Quang Vinh về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”; Hoàng Quang Huy và Lâm Thị Hồng Tâm về tội “Tham ô tài sản”.

3.2. Kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

3.3. Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

3.4. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có)

3.5. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương

3.6. Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được: 186.208.596.915 đồng;

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: đến ngày 16/7/2024, Cơ quan chức năng đã chuyển cho Nhà trường số tiền do các bị cáo khắc phục là 12.234.799.732 đồng. Số tiền còn lại đang chờ thực hiện thi hành án theo phán quyết của tòa án.

3.7. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

Ông Đoàn Quang Vinh, nguyên Hiệu Trưởng Nhà trường về tội Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí.

4. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

4.1. Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN.

Vai trò của các tổ chức, đoàn thể trong Nhà trường đặc biệt là Ban Thanh tra Nhân dân trong việc tham gia, giám sát các hoạt động quản lý nhà nước theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức.

4.2. Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN.

4.3. Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng

5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong PCTN

5.1. Việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan nhà nước theo quy định tại Chương VII Luật PCTN.

5.2. Tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị chuyên trách về PCTN.

5.3. Việc phân định trách nhiệm và công tác phối hợp giữa các đơn vị chuyên trách về PCTN.

5.4. Công tác phối hợp với các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, toà án và các cơ quan, tổ chức khác trong PCTN.

6. Đánh giá chung về công tác PCTN

6.1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực của đơn vị

Trước năm 2023, Nhà trường chưa thực hiện tốt công tác quản lý dẫn đến một số sự việc không mong muốn xảy ra. Tuy nhiên, từ những bài học rút ra, Nhà trường đã có những cải tiến và hiện đang tăng cường kiểm soát một cách chặt chẽ hơn. Bên cạnh đó Đảng uỷ, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để góp phần nâng cao được nhận thức, ý thức, trách nhiệm của VC-NLĐ trong toàn Trường.

6.2. So sánh hiệu quả công tác PCTN so với 5 năm trước khi ban hành Luật PCTN năm 2018.

Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa được triển khai đồng bộ, toàn bộ hoạt động của Trường được công khai đến toàn thể VC- NLĐ và cùng tham gia giám sát.

6.3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN

Do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan để xảy ra sự việc “tham ô tài sản” tại Nhà trường nên trong giai đoạn 2019-2024, Trường tự đánh giá mức không hoàn thành mục tiêu trong công tác PCTN.

6.4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong công tác PCTN

Công tác PCTN là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp do liên quan đến nhiều mảng công tác chuyên môn của Nhà trường. Các thủ đoạn, hành vi tham nhũng của các đối tượng ngày càng tinh vi và rất khó để phát hiện, đòi hỏi phải có chuyên môn, nghiệp vụ cũng như am hiểu các quy định về PCTN. Bên cạnh đó các việc đào tạo bồi dưỡng kỹ năng quản lý cho đội ngũ giảng viên ngoài công tác chuyên môn giảng dạy cũng cần được quan tâm và chú trọng. **III. ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PCTN**

1. Ưu điểm

Đánh giá ưu điểm thông qua tính phù hợp, khả thi, hiệu quả của Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Những chủ trương, chính sách của Đảng chưa được thể chế hóa và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa có quy định để điều chỉnh;

2.2. Những quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn;

2.3. Những quy định còn chưa rõ ràng, còn có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng chưa có văn bản hướng dẫn, dễ dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật;

2.4. Những quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo;

2.5. Những vướng mắc, bất cập khác

IV. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Hoàn thiện các quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên trách PCTN và quy định về phát hiện, xử lý tham nhũng. Có biện pháp bảo vệ an toàn và kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân dũng cảm tố cáo, phát hiện những hành vi tham nhũng, lãng phí.

2. Kiến nghị khác

Cần triển khai các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu cho những người làm công tác PCTN tại các đơn vị. *thl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TTPC (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, TTPC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nam

TS. Huỳnh Phương Nam

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**Số liệu tính từ ngày 01/7/2019 đến ngày 30/6/2024***(Kèm theo Báo cáo số: 4324/BC-ĐHKBK ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Trường ĐHĐBK.)*

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	09
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	02
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	28
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
7	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN	Cuộc	
8	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN đã ban hành kết luận	Cuộc	
9	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị	
	Kiến nghị xử lý hành chính		
10	+ Tập thể	tập thể	

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
11	+ Cá nhân	người	
	Kiến nghị xử lý hình sự		
12	+ Số vụ	vụ	
13	+ Số đối tượng	Đối tượng	
	PHÒNG NGỪA THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
15	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện, xử lý vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
16	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	08
17	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	
18	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	
19	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	
20	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
21	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	
22	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	
23	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
24	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
25	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	
26	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
27	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
28	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
29	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	
30	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
31	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
32	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	06
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
33	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
34	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
35	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	
36	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
37	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	
38	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	
39	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
40	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	380
41	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	04
42	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	138
43	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
43.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	
43.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
44	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	01
45	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	03
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
46	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	01
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	03
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
58	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
59	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
60	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	
61	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo</i>		
62	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
63	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
64	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	
65	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
66	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
67	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
69	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
70	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	
71	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHỮNG		
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	01
74	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
74.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	
74.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	
74.3	- <i>Cách chức</i>	Người	
	XỬ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
75	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	01
76	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
76.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	
76.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	
76.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	
76.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	
77	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
78	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
79	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
80	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
81	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	186.208
82	Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
83	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	12.234 (tính đến 16/7/2024)
83.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	
83.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	
84	Đất đai	m ²	
84.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	
84.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
85	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
86	Đất đai	m ²	
	PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)		

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
87	Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	
88	Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	
89	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Vụ	
90	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Người	
91	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính	Vụ	
92	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật	Người	
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
93	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	
94	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	
95	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	
96	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	
97	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	
98	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	
99	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
100	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

Handwritten signature

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
Số liệu tính từ ngày 01/7/2019 đến 30/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 4324/BC-ĐHBK ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Trường
Đại học Bách khoa.)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xây ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	Tham ô tài sản	Phòng Kế hoạch – Tài chính, trường Đại học Bách khoa	CSĐT CATP Đà Nẵng	Tham ô tài sản	

Uth

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ,
DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHƯNG (*)**

Số liệu tính từ ngày 01/7/2019 đến 30/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 4324/BC-ĐHBK ngày 18 tháng 10 năm 2024 của
Trường Đại học Bách khoa.)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham những	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1							
Tổng số:							

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

TT	ĐIỀU KHOẢN/ VẤN ĐỀ	HẠN CHẾ, TỒN TẠI,	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT
	(ghi rõ điều, khoản, điểm)	VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP	
I	Những chủ trương, chính sách của Đảng chưa được thể chế hóa và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa có quy định để điều chỉnh		
1			
2			
3			
II	Những quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn		
1			
2			
3			
III	Những quy định còn chưa rõ ràng, còn có nhiều cách hiểu khác nhau		
1			
2			
3			
IV	Những quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo		
1			
2			
3			
V	Những vướng mắc, bất cập khác		
1			
2			
3			